



GIỚI THIỆU TRIỂN KHAI HỆ THỐNG CSDL VỀ GDMN&GDPT TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Giới thiệu chung

Hệ thống Cơ sở dữ liệu (CSDL) giáo dục về giáo dục mầm non (GDMN) và giáo dục phổ thông (GDPT) tại địa phương (CSDL địa phương) được triển khai là một CSDL tập trung, dùng thống nhất toàn ngành tại tỉnh/thành phố nhằm cung cấp các thông tin đầy đủ, nhanh chóng, chính xác phục vụ công tác quản lý điều hành, hỗ trợ ra quyết định của các cơ quan quản lý giáo dục (các phòng GDĐT, sở GDĐT).

1.1 Các tính năng, ưu điểm nổi bật

- Đáp ứng đầy đủ các báo cáo thống kê theo yêu cầu của Bộ GDĐT (báo cáo thống kê giáo dục EMIS; báo cáo về đội ngũ, chuẩn nghề nghiệp; báo cáo về đánh giá chất lượng giáo dục tiểu học EQMS, báo cáo về GDMN, giáo dục trung học...).

- Phù hợp hoàn toàn với quy định về chuẩn kỹ thuật dữ liệu của hệ thống CSDL toàn ngành về GDMN và GDPT (ban hành theo Quyết định số 1904/QĐ-BGDĐT ngày 04/07/2019 của Bộ trưởng GDĐT).

- Kết nối, trao đổi dữ liệu với CSDL toàn ngành về GDMN và GDPT Bộ GDĐT.

- Đã được tích hợp phần mềm quản lý trường học với đầy đủ các phân hệ chức năng phục vụ công tác quản lý tại nhà trường, đáp ứng các yêu cầu về quản lý, đánh giá học sinh, giáo viên theo quy định của Bộ (quản lý hồ sơ học sinh, hồ sơ giáo viên, sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc điện tử...).

- Kết nối, trao đổi dữ liệu với các phần mềm quản lý trường học hiện đang được sử dụng tại các nhà trường.

1.2. Lợi ích khi triển khai

a) Đối với cấp quản lý (Phòng GDĐT, Sở GDĐT):

- Sớm hoàn thiện CSDL ngành về GDMN và GDPT tại địa phương, kết nối với CSDL toàn ngành theo yêu cầu của Bộ.

- Có công cụ mạnh mẽ trong việc quản lý, phân tích, đánh giá chất lượng giáo dục tại địa phương dựa trên dữ liệu được cập nhật thường xuyên.
- Chủ động, nhanh chóng đáp ứng yêu cầu về báo cáo thống kê của các cấp quản lý (UBND, Bộ GDĐT...).
- Có thể chủ động triển khai các thông tin quản lý giáo dục khác phục vụ nhu cầu quản lý tại địa phương ngoài các thông tin theo quy định chung của Bộ GDĐT.
- Góp phần cải cách hành chính thông qua việc sử dụng các dữ liệu đã được số hóa (giảm tải yêu cầu báo cáo tới cấp dưới, cung cấp dịch vụ học bạ điện tử, sổ điểm điện tử, xác nhận văn bằng...).

b) Đối với các nhà trường, trung tâm GDTX:

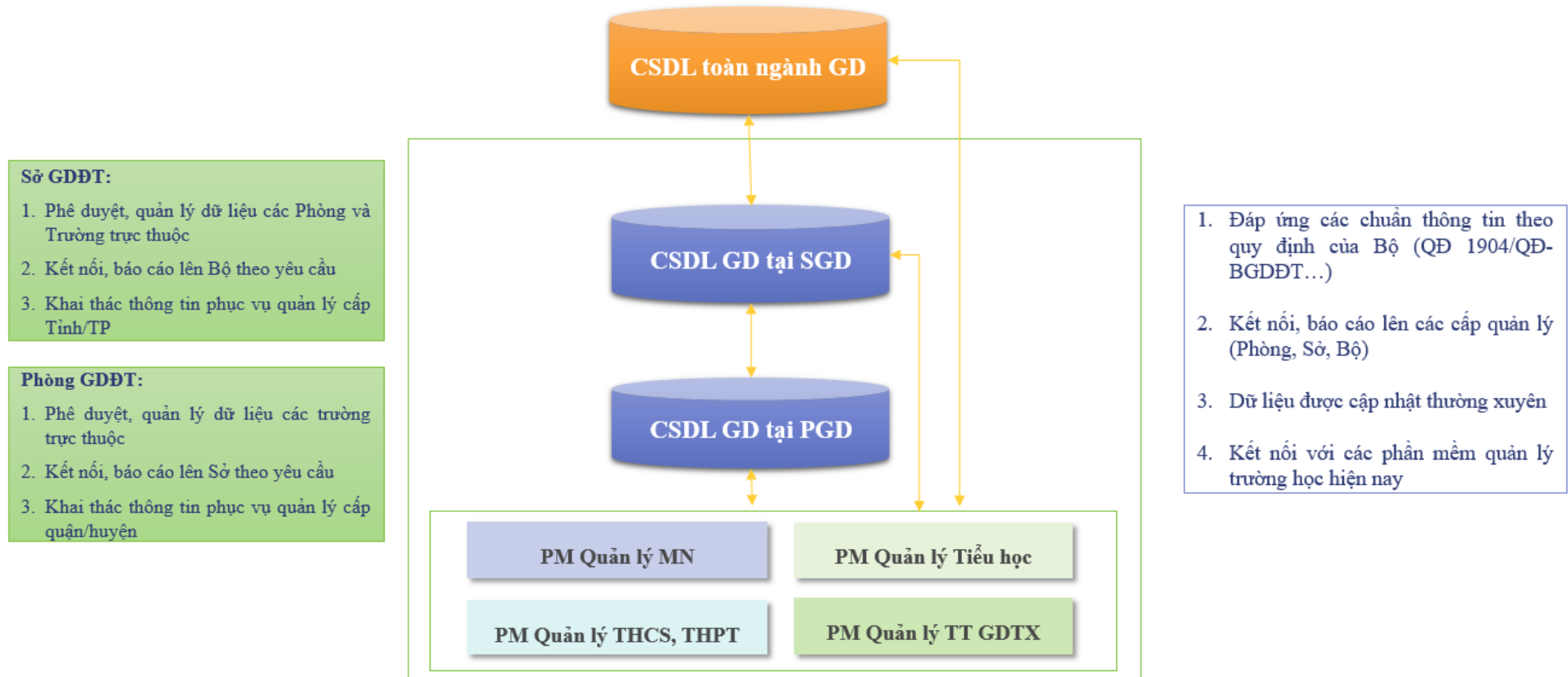
- Có công cụ phục vụ công tác quản lý tại nhà trường (quản lý học sinh, đội ngũ, thi, kiểm tra...).
- Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về quản lý, đánh giá học sinh, đội ngũ theo quy định của Bộ GDĐT.
- Phần mềm quản lý trường học được tích hợp vào CSDL địa phương, tiện lợi trong quá trình sử dụng, kết nối, trao đổi dữ liệu.
- Chủ động, nhanh chóng đáp ứng yêu cầu về báo cáo thống kê của các cấp quản lý (Phòng GDĐT, Sở GDĐT...).
- Góp phần giảm tải các thủ tục hành chính liên quan đến giấy tờ thông qua việc sử dụng các dữ liệu đã được số hóa (giảm thiểu việc báo cáo bằng giấy, cung cấp dịch vụ học bạ điện tử, sổ điểm điện tử, tra cứu kết quả học tập...).

II. Mô hình triển khai

Mô hình triển khai CSDL địa phương gồm hai phần chính:

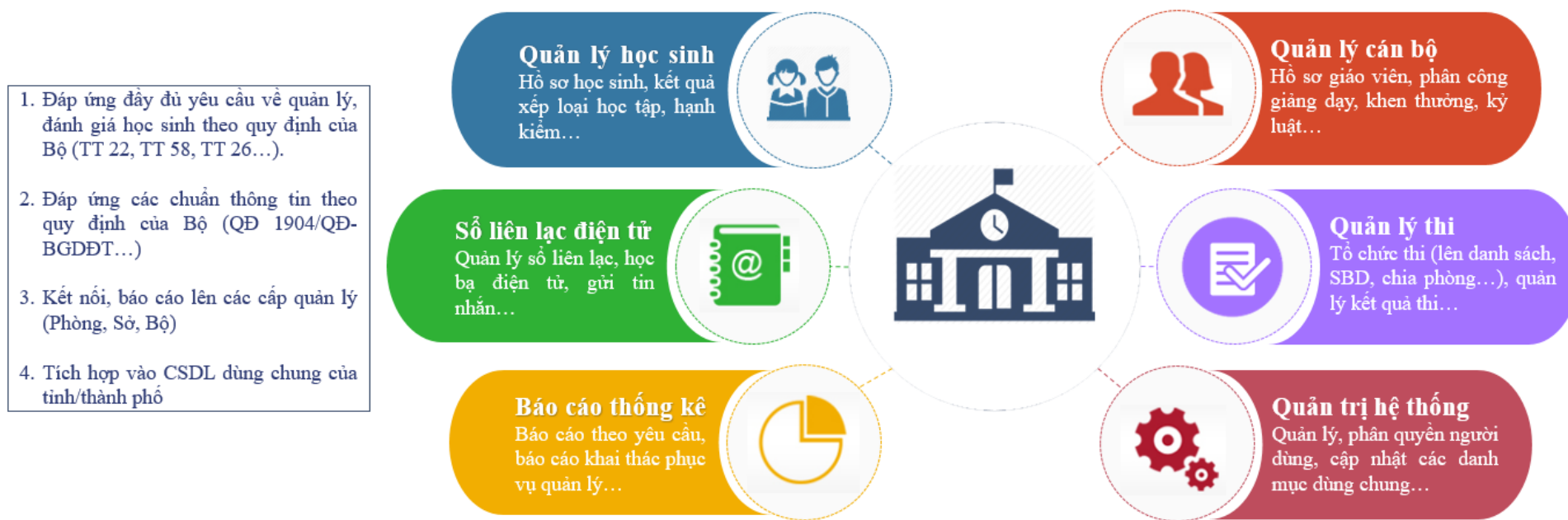
- Triển khai CSDL địa phương kết nối với CSDL toàn ngành: tập trung vào CSDL của các cơ quan quản lý giáo dục địa phương (các phòng GDĐT, sở GDĐT) tích hợp với các phần mềm quản lý trường học, liên thông với CSDL ngành của Bộ, đồng thời đảm bảo tính sở hữu, an toàn an ninh thông tin của các cơ quan quản lý địa phương (chi tiết tại mục 2.1).
- Triển khai hệ thống phần mềm quản lý trường học tích hợp vào CSDL địa phương: tập trung vào các chức năng của phần mềm quản lý trường học (quản lý học sinh, quản lý cán bộ, giáo viên, quản lý thi, quản lý điểm, sổ liên lạc điện tử...) đảm bảo thống nhất chuẩn dữ liệu, liên thông từ trường học đến các phòng GDĐT, Sở GDĐT (chi tiết tại mục 2.2).

2.1. Mô hình triển khai CSDL địa phương kết nối với CSDL toàn ngành



Mô hình triển khai CSDL giáo dục của các tỉnh/thành phố

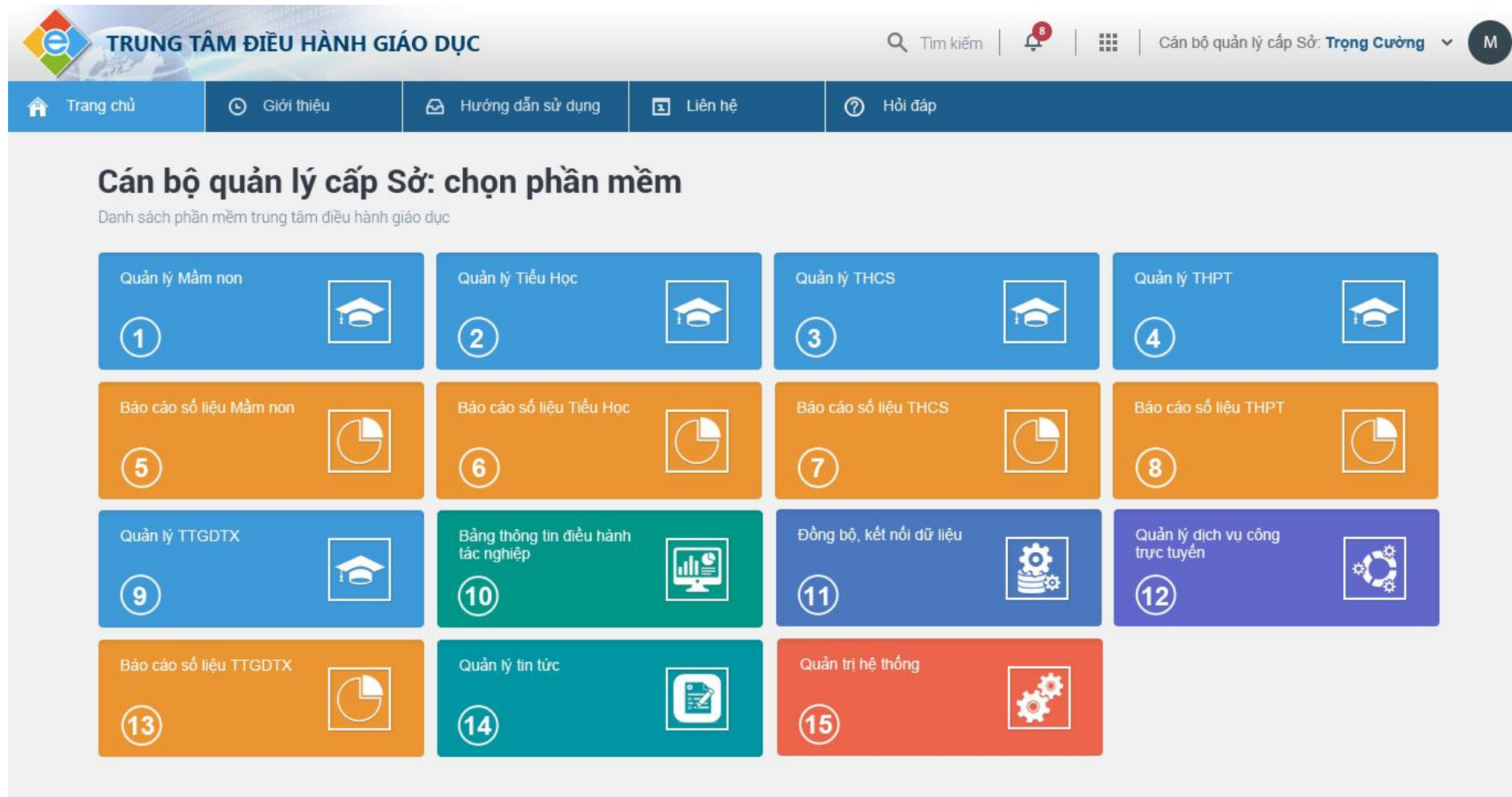
2.2. Mô hình triển khai hệ thống phần mềm quản lý trường học tích hợp vào CSDL địa phương



Mô hình triển khai phần mềm quản lý trường học

III. Một số hình ảnh minh họa

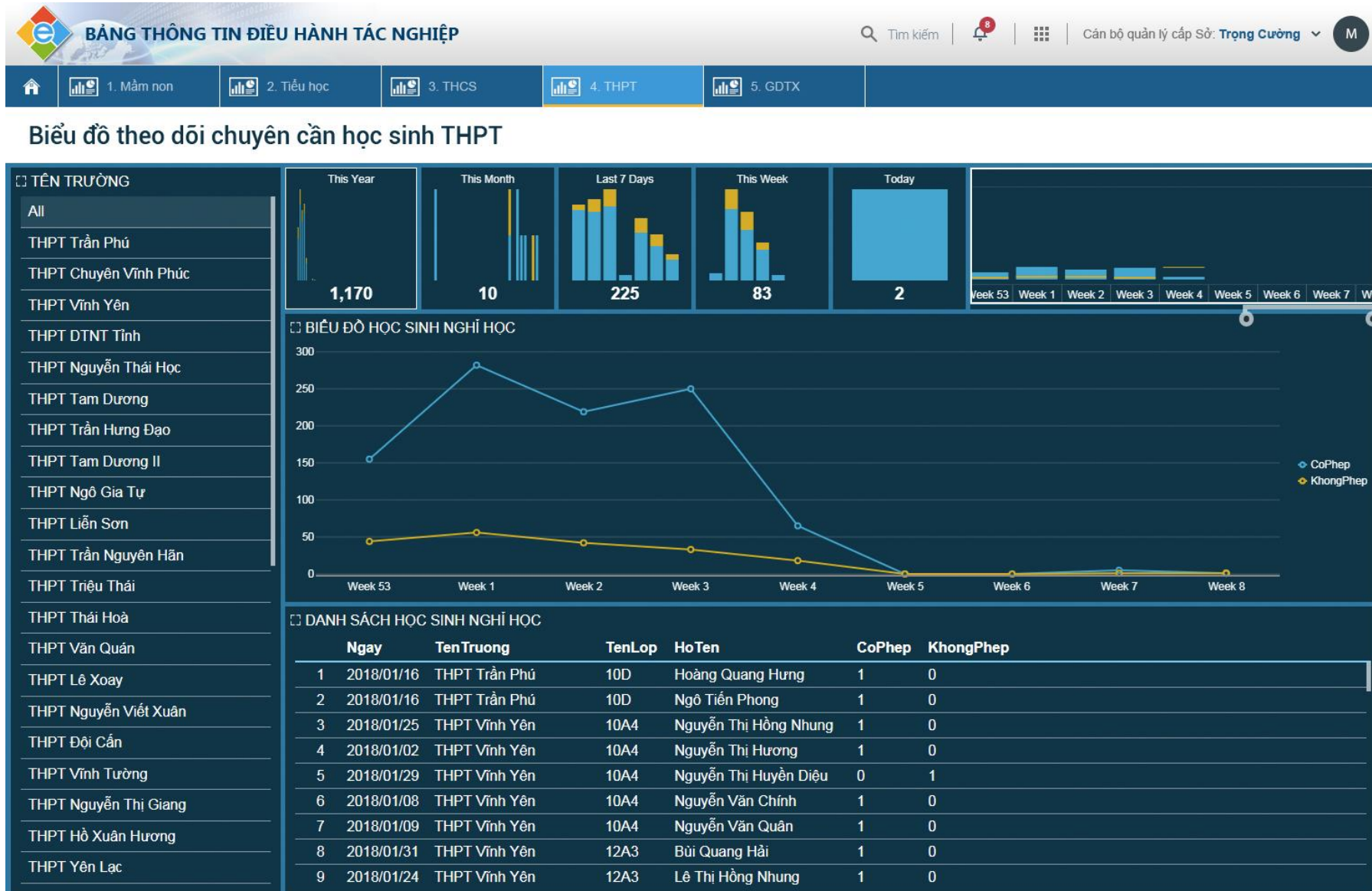
3.1. Cấp quản lý (Phòng GDĐT, Sở GDĐT)



Quản lý giáo dục các cấp



Báo cáo, phân tích tổng thể



Báo cáo, phân tích chuyên sâu chuyên cần

QUẢN LÝ GIÁO DỤC THCS Tìm kiếm | 8 | ☰ | Cán bộ quản lý cấp Sở: **Trọng Cường** | M

1. Trường, lớp | 2. Giáo viên | 3. Học sinh | **4. Thống kê**

4.5 Thống kê nhân sự theo độ tuổi

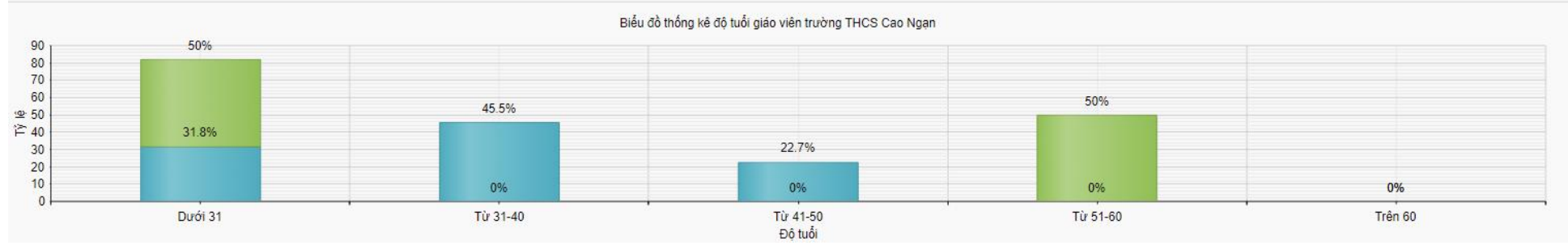
Tìm kiếm | Xuất Excel | ↶ ↷

Nhóm cán bộ: | Ngành đào tạo: | Môn dạy:

Trường: | Loại hình:

STT	Đơn vị	Nhân sự chia theo độ tuổi												
		Tổng số	Tổng nữ	Chia ra					Tổng nam	Chia ra				
				Dưới 31	Từ 31-40	Từ 41-50	Từ 51-60	Trên 60		Dưới 31	Từ 31-40	Từ 41-50	Từ 51-60	Trên 60
1	THCS Cam Giá	27	24	12	7	3	2	3	1	2				
2	THCS Cao Ngạn	24	22	7	10	5		2	1				1	
3	THCS Chu Văn An	44	38	12	15	7	4	6		4	1	1		
4	THCS Độc Lập	47	42	20	13	4	5	5	1	3	1			
5	THCS Đồng Liên	21	18	1	9	7	1	3	1	1		1		
6	THCS Đồng Quang	27	26	10	8	6	2	1		1				
7	THCS Gia Sàng	32	25	11	10	1	3	7	1	4			2	
8	THCS Hoàng Văn Thụ	38	32	12	10	7	3	6	2	1			3	
9	THCS Hương Sơn	39	38	19	5	8	6	1		1				
10	THCS Hướng Thượng	27	24	3	11	5	5	3					3	

1 2 3 4 | Số bản ghi/trang 10 | Đông 1 đến 10/38



Báo cáo, phân tích chuyên sâu nhân sự

3.2. Nhà trường

The screenshot displays the HUNGYEN-EDU THCS NGUYỄN TRÃI management interface. At the top, there is a navigation bar with the school name, a dropdown menu for 'Quản lý giáo dục THCS', and user information including '[admin]', 'Học kỳ I 2019-2020', and 'Hướng dẫn'. Below the navigation bar is a menu with categories: 1. Thông tin trường, 2. Lớp học, 3. Nhân sự, 4. Học sinh, 5. Nhập liệu, 6. Tổng kết, 7. In ấn, 8. Thống kê, and 9. Báo cáo. The main content area features a 'TRUY CẬP NHANH' (Quick Access) section with a grid of blue buttons for various functions. A dropdown menu is open over the '6. Tổng kết' category, listing sub-items: 6.1. Tính tổng kết (with sub-items 6.1.1. Tính tổng kết học kỳ and 6.1.2. Tính tổng kết đợt nhập điểm), 6.2. Quản lý khen thưởng, kỷ luật, 6.3. Xem điểm tổng kết, 6.4. Thi lại, rèn luyện lại, and 6.5. Chuyển hồ sơ lên năm học mới. The grid of buttons includes: 2.1.1. Quản lý hồ sơ lớp học, 2.1. Hồ sơ lớp học, 5.1.2. Nhập điểm môn học, 5.3.1. Nhập điểm môn học, 5.3.2. Nhập điểm Tiếng Pháp(Song ngữ), 5.3.3. Nhập điểm học sinh chuyển đến kỳ II cùng môn, 5.4.2. Nhập điểm học sinh chuyển đến kỳ II khác môn, 5.4.3. Nhập tổng kết học sinh chuyển đến kỳ II, 5.5.1. Nhập hạnh kiểm cuối học kỳ, 5.5.2. Nhập hạnh kiểm theo đợt nhập điểm, 5.6.1. Khóa sổ học kỳ lớp học, 5.6.2. Khóa sổ môn học Lớp học, 5.6.3. Khóa sổ đợt nhập điểm, 6.1.1. Nhập giải thưởng, 6.1. Thống kê lớp học, 6.2.1. Nhập khen thưởng kỷ luật, 6.1.2. Nhập khen thưởng kỷ luật, 6.3.1. Xem điểm tổng kết học kỳ, and 6.1. Thống kê giáo viên theo môn dạy, Thống kê số lượng học sinh, Thống kê học sinh chuyển đến, chuyển đi, thôi học, and Thống kê kết quả học tập học sinh.

Quản lý thông tin trường, lớp, học sinh, giáo viên

HUNGYEN-EDU TH NGUYỄN TRẠI Quản lý giáo dục Tiểu học [admin] Học kỳ I 2019-2020 Hướng dẫn

1. Thông tin trường 2. Lớp học 3. Nhân sự 4. Học sinh 5. Nhập liệu 6. Tổng Kết 7. In ấn 8. Thống kê 9. Báo cáo

5.3.1. Đánh giá định kỳ môn học và hoạt động giáo dục [Xuất Excel](#)

Khối: Khối 2 Lớp: 2A1 Môn học: Tiếng việt Thời điểm đánh giá: Cuối học kỳ I

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giữa học kỳ I	Cuối học kỳ I			
			Mức đạt được	Mức đạt được	Điểm KTĐK	Nhận xét điểm mạnh và các mặt cần rèn luyện	
						Mã nhận xét	Nội dung
1	Đoàn Châu Anh	28/12/2012	T				
2	Nguyễn Đức Anh	11/01/2012	T				
3	Nguyễn Hoàng Anh	22/11/2012	T				
4	Đặng Nhật Bảo	15/10/2012	T				
5	Nguyễn Ngọc Bích	03/09/2012	T				
6	Lương Trí Dũng	02/01/2012	T				
7	Đàm Anh Đan	10/02/2012	T				

Số bản ghi/trang 50 Dòng 1 đến 17/17

Nhập đánh giá định kỳ

SỞ GD&ĐT VINH PHÚC

SỔ GHI ĐIỂM
CỦA GIÁO VIÊN

Họ và tên giáo viên : Nguyễn Thị Thùy

Môn học : Ngữ văn, GDCD

Lớp giảng dạy : 6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 7A1, 7A3, 7A4

Trường : THCS Thanh Lăng

LỚP: 6A1

MÔN HỌC: GDCD

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HSI (hoặc xếp loại KT thường xuyên)		Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)	ĐKThk (hoặc XL KT Hky)	Tbm (hoặc XL)	Ghi Chú
		M	V				
1	Nguyễn Thúy An	9.0	9.0	9.0	7.5	8.4	
2	Nguyễn Đăng Hoàng Anh	9.0	8.0	8.0	6.0	7.3	
3	Nguyễn Thị Phương Anh	9.0	9.0	8.0	8.0	8.3	
4	Nguyễn Thị Phương Anh	8.0	9.0	8.0	7.5	7.9	
5	Nguyễn Thị Vân Anh	9.0	8.0	9.0	9.5	9.1	
6	Phạm Văn Tuấn Anh	8.0	8.0	8.0	6.0	7.1	
7	Trần Lan Anh	8.0	9.0	8.0	7.0	7.7	
8	Dương Ngọc Anh	8.0	8.0	8.0	6.0	7.1	
9	Nguyễn Ngọc Anh	9.0	8.0	9.0	9.0	8.9	
10	Nguyễn Ngọc Anh	9.0	9.0	9.0	7.0	8.1	
11	Nguyễn Thị Ngọc Anh	8.0	8.0	8.0	6.5	7.4	
12	Nguyễn Ngọc Anh	8.0	8.0	8.0	7.0	7.6	
13	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	9.0	8.0	9.0	8.5	8.6	
14	Đoàn Minh Dũng	9.0	8.0	9.0	8.5	8.6	
15	Nguyễn Văn Dũng	8.0	5.0	8.0	6.5	6.9	
16	Đỗ Đức Duy	9.0	7.0	8.0	6.0	7.1	
17	Nguyễn Đăng Đạt	8.0	5.0	8.0	7.0	7.1	
18	Nguyễn Công Minh Đăng	9.0	9.0	9.0	8.0	8.6	
19	Nguyễn Thế Đăng	8.0	9.0	8.0	9.0	8.6	
20	Lưu Đức Giang	9.0	7.0	7.0	5.5	6.6	
21	Nguyễn Thanh Hiền	8.0	6.0	9.0	7.5	7.8	
22	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	9.0	7.0	9.0	9.0	7.9	
23	Nguyễn Đức Huy	7.0	8.0	8.0	6.5	7.2	
24	Nguyễn Thu Huyền	9.0	8.0	9.0	7.0	8.0	
25	Lưu Quang Hưng	9.0	8.0	8.0	7.5	7.9	
26	Nguyễn Thị Thu Lan	9.0	5.0	8.0	9.0	8.1	
27	Nguyễn Thủy Linh	9.0	9.0	9.0	8.0	8.6	
28	Kim Khánh Ly	9.0	8.0	9.0	9.0	8.9	
29	Trần Khánh Ly	8.0	7.0	8.0	7.5	7.6	
30	Nguyễn Nguyệt Minh	9.0	9.0	9.0	8.0	8.6	
31	Nguyễn Thị Trà Mỹ	9.0	8.0	9.0	8.0	8.4	
32	Nguyễn Thủy Nga	9.0	9.0	9.0	7.0	8.1	
33	Nguyễn Thị Kim Nhan	9.0	6.0	9.0	7.0	7.7	
34	Lưu Ngọc Nhi	8.0	7.0	7.0	8.5	7.8	
35	Nguyễn Mai Sao	9.0	9.0	9.0	7.5	8.4	
36	Lưu Thị Phương Thanh	9.0	8.0	8.0	6.5	7.5	
37	Nguyễn Phương Thùy	9.0	8.0	8.0	7.0	7.7	
38	Nguyễn Ngọc Minh Trang	9.0	9.0	9.0	7.0	8.1	
39	Nguyễn Thành Thủy Trang	9.0	9.0	9.0	7.0	8.1	
40	Nguyễn Huy Tuấn	9.0	9.0	8.0	9.0	8.7	
41							
42							
43							
44							
45							
46							
47							
48							
49							
50							
51							

Xuất sổ ghi điểm từ phần mềm

ỦY BAN NHÂN DÂN
THCS THANH LĂNG

Ngày 16/08/2019

KẾT QUẢ HỌC TẬP RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2018-2019

Lớp: 9A1

Học sinh: **Bùi Diệu Anh**

Ngày sinh: **30/10/2004**

Giới tính: **Nữ**

Mã học sinh: **VP100397562**

1. Kết quả học tập học kỳ 2

TT	Môn học	Điểm miệng	Điểm kiểm tra HS1	Điểm kiểm tra HS2	HK	TBM
1	Ngữ văn	8.8	8.8	9.9.9.9.9	8	8.6
2	Toán	10.10	9.9	9.5.6.8.10	8.8	9
3	Vật lý	8	8.6	8.6	8.3	7.5
4	Hóa học	8	10.9.8	10.9.5	8	8.9
5	Sinh học	9	8.8	9	9.5	8.9
6	Lịch sử	7.8	8.8	9	9.5	8.6
7	Địa lý	8	8	7	8	7.7
8	GD CD	9	9	9	9	9
9	Tiếng Anh	9.9	9.9	9.8.9.3.9	8	8.9
10	Tin học	9	9.8	9	9.8	9.2
11	Công nghệ	9	9	9	8	8.6
12	Âm nhạc	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
13	Thể dục	Đ.Đ	Đ.Đ	Đ.Đ.Đ.Đ	Đ	Đ

2. Tổng hợp khen thưởng

TT	Ngày	Nội dung khen thưởng
1	24/05/2019	Giỏi

3. Tổng hợp kỷ luật / nhắc nhở

TT	Ngày	Nội dung kỷ luật
1	24/05/2019	

4. Tổng kết cả năm học

	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	T.Anh	GD CD	CN	Nhạc	MT	TD	Tin	ĐTB	XL HL	XL HK	DH
HK1	9.4	8.6	9.3	8.8	7.6	8.6	8.1	8.7	8		Đ	Đ	8.9	8.5	G	T	Giỏi	
HK2	9	7.5	8.9	8.9	8.6	8.6	7.7	8.9	9	8.6	Đ	Đ	9.2	8.6	G	T	Giỏi	
CN	9.1	7.9	9	8.9	8.3	8.6	7.8	8.8	8.7	8.4	Đ	Đ	9.1	8.6	G	T	Giỏi	

Nhận xét GVCN:

Thanh Lăng, ngày 16 tháng 8 năm 2019

Nghị học KP:

Giáo viên chủ nhiệm

Nghị học CP:

Tổng số buổi nghỉ:

Được lên lớp: Lên lớp

Đỗ Đức Thắng

Xuất kết quả học tập của học sinh

IV. Thông tin liên hệ triển khai

Mọi thông tin triển khai vui lòng liên hệ:

TRUNG TÂM GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIÁO DỤC

Địa chỉ: Số 15 Phố Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

Ông **Nguyễn Đức Việt**, Số điện thoại: **0977.249.787**,

Email: **ducviet@moet.edu.vn**.

Trân trọng./.